

SỰ PHÁT TRIỂN NGHĨA CỦA TÍNH TỪ CHỈ MÀU SẮC TRONG THƠ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

Nguyễn Thị Thanh Hương¹

TÓM TẮT

Bài viết này nghiên cứu sự phát triển nghĩa của tính từ chỉ màu sắc trong thơ Việt Nam hiện đại. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Tính từ chỉ màu sắc, khi được dùng với nghĩa gốc biểu thị tính chất, đặc trưng về màu sắc của sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan; khi phát triển nghĩa chuyển sang biểu thị cảm xúc, số phận, tính cách và các giai đoạn của con người; các tầng lớp người trong xã hội và cuộc sống trong cảm nhận của con người. Sự phát triển nghĩa này không diễn ra một cách tùy tiện, ngẫu hứng mà tuân theo những cách thức và quy tắc chung của mọi ngôn ngữ.

Từ khóa: Ngữ nghĩa, sự phát triển nghĩa, tính từ, tính từ chỉ màu sắc, thơ Việt Nam hiện đại.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4652.87.5.2026.942>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tính từ chỉ màu sắc giữ vai trò quan trọng trong việc tạo nên sự phong phú và đa dạng của hệ thống tính từ nói riêng và từ loại tiếng Việt nói chung. Đây là một trong những nhóm tính từ có nhiều đặc điểm phức tạp trong đời sống ngôn ngữ. Đặc biệt, khi tham gia vào hoạt động hành chức, nhóm tính từ này không chỉ thể hiện những đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ pháp vốn có của nó mà còn thể hiện sự biến đổi và chuyển hóa trên nhiều bình diện tương đối phức tạp nhưng cũng đầy lý thú. Ở bài viết này, từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, chúng tôi tập trung nghiên cứu sự phát triển nghĩa của tính từ chỉ màu sắc trong thơ Việt Nam hiện đại (từ năm 1930 đến nay) với mong muốn đem đến một cái nhìn đa chiều về nghĩa và sự phát triển ngữ nghĩa của tính từ tiếng Việt.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp miêu tả ngôn ngữ học. Phương pháp này dùng để miêu tả và phân tích ngữ nghĩa của tính từ chỉ màu sắc nhằm chỉ ra nghĩa gốc và sự phát triển nghĩa của nhóm tính từ này trong thơ Việt Nam hiện đại.

Bên cạnh đó, bài viết còn sử dụng thủ pháp thống kê, phân loại để thống kê từ ngữ, phân loại nhóm tính từ chỉ màu sắc trong thơ Việt Nam hiện đại ở các nguồn ngữ liệu và những biểu thức ngôn ngữ có chứa tính từ. Đây là cơ sở bảo đảm tính khách quan và tăng sức thuyết phục của kết quả nghiên cứu.

¹Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthithanhhuong@hdu.edu.vn

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khái quát về tính từ chỉ màu sắc trong tiếng Việt và thơ Việt Nam hiện đại

Tính từ có vai trò và vị trí quan trọng trong hệ thống từ loại tiếng Việt. Tính từ được chia thành nhiều nhóm: tính từ chỉ đặc điểm (màu sắc, hình dáng, kích thước, số lượng, ...), tính từ chỉ tính chất (đẹp, xấu, tốt, hiền, dữ, ...), tính từ chỉ trạng thái (buồn, vui, giận, ...) Trong đó, tính từ chỉ màu sắc thuộc nhóm tính từ chỉ đặc điểm.

Là từ loại có số lượng lớn và có những đặc điểm hết sức phức tạp, tính từ, trong đó có tính từ chỉ màu sắc, luôn thu hút sự chú ý đặc biệt của các nhà nghiên cứu. Hiện tại, có nhiều quan niệm khác nhau về tính từ chỉ màu sắc trong tiếng Việt. Dựa trên những quan niệm của các nhà nghiên cứu, ở bài viết này, chúng tôi quan niệm: *“Tính từ chỉ màu sắc là các tính từ biểu hiện các đặc điểm về chất. Những đặc điểm này không thể “lượng hóa” được, mà chỉ có thể được sắc thái hóa. Đó là các nhóm tính từ: chỉ màu sắc: xanh, đỏ, tím, vàng, đen, trắng...”* [9, tr.43]. Dựa trên tiêu chí nhận diện về ý nghĩa khái quát và chức vụ ngữ pháp, tính từ chỉ màu sắc trong tiếng Việt gồm hai loại: tính từ chỉ màu cơ bản (*đỏ, đen, xanh, trắng, vàng, hồng, tím, nâu, xám*) chiếm tỉ lệ xuất hiện cao, trong đó tính từ *xanh* xuất hiện nhiều nhất. Ngoài những tính từ là từ đơn, trong thơ Việt Nam hiện đại còn tồn tại các tính từ chỉ màu sắc là từ phức (*đen nhánh, tím tím, hoe hoe, trắng xoá, xanh ngắt, đỏ thắm...*). Ví dụ: *Ôi nắng vàng* sao mà nhớ nhung [1, tr.21]; *Mái tóc hoe hoe, mắt lơ lửng* [7, tr.200].

Qua khảo sát nguồn ngữ liệu thơ Việt Nam hiện đại, chúng tôi thấy số lượng tính từ chỉ màu sắc có 9 tính từ chỉ màu sắc cơ bản là từ đơn (*đỏ, đen, xanh, trắng, vàng, hồng, tím, nâu, xám*) chiếm tỉ lệ xuất hiện cao, trong đó tính từ *xanh* xuất hiện nhiều nhất. Ngoài những tính từ là từ đơn, trong thơ Việt Nam hiện đại còn tồn tại các tính từ chỉ màu sắc là từ phức (*đen nhánh, tím tím, hoe hoe, trắng xoá, xanh ngắt, đỏ thắm...*). Ví dụ: *Ôi nắng vàng* sao mà nhớ nhung [1, tr.21]; *Mái tóc hoe hoe, mắt lơ lửng* [7, tr.200].

Các tính từ chỉ màu sắc, khi được dùng với nghĩa gốc có ý nghĩa biểu thị tính chất, đặc trưng về màu sắc của sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan. Các sự vật, hiện tượng có thể là thực vật, động vật, hiện tượng tự nhiên, vật thể nhân tạo hay bộ phận trên cơ thể con người... Chúng đều là những chủ thể vật chất mà mắt người có thể tri giác được. Ở nhóm tính từ chỉ màu cơ bản, phạm vi biểu vật rộng hơn, xuất hiện nhiều hơn, biểu hiện đa dạng, phong phú sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan. Trong khi đó, nhóm tính từ chỉ màu phụ, sắc thái nghĩa và phạm vi biểu vật bị thu hẹp thậm chí có những xu hướng chuyên biệt. Ví dụ: *Hỡi ngói nâu, hỡi tường trắng, cửa gương* [1, tr.23]; *Mắt nó đỏ nọc* [6, tr.130].

3.2. Sự phát triển nghĩa của tính từ chỉ màu sắc trong thơ Việt Nam hiện đại

Thực tế khảo sát cho thấy, tính từ chỉ màu sắc trong tiếng Việt không chỉ được sử dụng với nghĩa gốc chỉ màu sắc mà còn có sự phát triển nghĩa rất phong phú. Theo ngôn ngữ học tri nhận, quá trình phát triển ngữ nghĩa bao giờ cũng liên quan tới việc mở rộng từ một miền tương đối cụ thể sang những miền khác nhau với những nghĩa trừu tượng hơn. Từ chỗ biểu thị màu sắc của sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan mà con người có thể tri nhận được một cách trực tiếp bằng giác quan, tính từ chỉ màu sắc trong tiếng Việt đã phát triển nghĩa biểu thị những khái niệm trừu tượng liên quan đến đời sống tinh thần, xã hội của con người. Sự biến đổi này có căn nguyên từ sự tri nhận của con người về một mối quan hệ giữa màu sắc với các đối tượng khác trong hiện thực. Kết quả là các tính từ chỉ màu sắc đã

chuyển sang trường nghĩa khác, hay nói theo thuật ngữ của ngôn ngữ học tri nhận là từ miền nguồn màu sắc, các tính từ này đã được ánh xạ sang các miền đích khác nhau. Đây cũng chính là một trong những nguyên tắc của tư duy đã được khẳng định, nhất là thông qua khái niệm ẩn dụ ý niệm (Conceptual Metaphor) và hoán dụ ý niệm (Conceptual Metonymy) của Ngôn ngữ học tri nhận. Có thể thấy rằng trong hoạt động hành chức cùng với sự biến đổi nghĩa, tính từ chỉ màu sắc đã vượt ra ngoài các đường biên mà hệ thống ngôn ngữ đã hoạch định phạm vi sử dụng của nó. Từ kết quả khảo sát nguồn ngữ liệu, bài viết sẽ trình bày các hướng chuyển nghĩa chính của tính từ chỉ màu sắc trong thơ Việt Nam hiện đại.

3.2.1. Tính từ chỉ màu sắc chuyển sang biểu thị cảm xúc, số phận, tính cách và các giai đoạn của con người

Con người là động vật bậc cao, tiến hóa nhất về thể chất, có ngôn ngữ, tư duy sáng tạo và biết sử dụng công cụ lao động. Con người vừa là chủ thể vừa là đối tượng phản ánh chính ngôn ngữ theo quan điểm truyền thống. Hệ thống ý niệm cơ bản nhất của con người phản ánh những trải nghiệm cơ bản nhất của con người trong quá trình lao động, tương tác với thiên nhiên, với cộng đồng, bao gồm: đặc điểm ngoại hình, các bộ phận cơ thể, tính cách và phẩm chất, những vận động về mặt tinh thần, thế giới nội tâm... Hầu hết các ý niệm này, đặc biệt là các ý niệm thuộc về thế giới tâm lí, tình cảm của con người đều mang tính trừu tượng, mơ hồ. Vì vậy, trong quá trình nhận thức về mình, con người lấy những ý niệm thuộc về thế giới tự nhiên cụ thể thuộc miền màu sắc trở thành miền nguồn cho các ý niệm trừu tượng thuộc về chính con người. Theo kết quả khảo sát, các ý niệm từ miền nguồn là chỉ màu sắc được ánh xạ đến miền đích “con người” có số lượng phong phú và phức tạp nhất dựa trên ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ VẬT THỂ CÓ MÀU SẮC.

3.2.1.1. Tính từ chỉ màu sắc chuyển sang biểu thị cảm xúc của con người

Đời sống tình cảm - cảm xúc của con người thuộc về thế giới tinh thần, vô cùng phong phú và đa dạng, nhưng lại cũng rất mơ hồ và khó nắm bắt, do đó để diễn tả được nó cần có “sự cụ thể hóa”, “vật chất hóa”. Chính điều này là cơ sở để các tính từ chỉ màu sắc chuyển nghĩa thể hiện cảm xúc của con người. Đây là một sự chuyển di khá xa và khác biệt về bản chất (từ phạm trù vật chất sang phạm trù tinh thần), là nghĩa chuyển phong phú nhất và chiếm ưu thế với số lượng lớn. Tính từ chỉ màu sắc thuộc miền nguồn (*đỏ, son, trắng trong, đen láy, tím bầm, xanh rờn, đen, đen ngòm, hồng ...*) được mở rộng nghĩa vượt khỏi giới hạn chỉ màu sắc của sự vật, hiện tượng chuyển sang miền đích biểu thị trạng thái tâm lí, tình cảm của con người dựa trên ẩn dụ CẢM XÚC CỦA CON NGƯỜI LÀ CÁC MÀU SẮC. Ví dụ: *Cả hồn chi đã tím bầm trong đó* [4, tr.56]; *Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son* [6, tr.173].

3.2.1.2. Tính từ chỉ màu sắc chuyển sang biểu thị số phận, tính cách của con người

Cũng như cảm xúc, SỐ PHẬN, TÍNH CÁCH CỦA CON NGƯỜI LÀ CÁC MÀU SẮC nên các tính từ chỉ màu sắc chuyển nghĩa biểu thị số phận, tính cách của con người. Số phận của con người là những “*phúc họa, sướng khổ được định trước*” trong cuộc đời mỗi người. Khi biểu thị số phận, tính cách của con người, các tính từ: *đen, đỏ, trắng* thường hay được dùng. Cặp tính từ *đỏ - đen* không chỉ được dùng để thể hiện thuộc tính màu sắc của vật thể vật chất

mà còn được chuyển nghĩa để thể hiện sự may - rủi của số phận con người (*vận đỏ, vận đen, đen đui, đen tối, dân đen, con đỏ...*). Trong văn hoá của người phương Đông, màu trắng vừa là màu biểu thị ý nghĩa đau thương, mất mát, lại vừa là màu chỉ sự ngây thơ, trong trắng của đời người trong giai đoạn tuổi hoa niên. Các tính từ: *đỏ, đen, trắng...* đều được chuyển nghĩa, từ miền nguồn chỉ màu sắc ánh xạ đến miền đích chỉ số phận, tính cách của con người. Ví dụ: *Trái tim kia vẫn đỏ bầu máu tươi* [6, tr.228]; *Áo trắng đơn sơ mộng trắng* trong [1, tr.5].

3.2.1.3. Tính từ chỉ màu sắc chuyển sang biểu thị các giai đoạn của đời người

“Cuộc đời là quá trình sống của một người, một cá thể sự vật, nhìn một cách toàn bộ từ lúc sinh đến lúc chết”. Vì vậy, mỗi con người sống trong cuộc đời đều phải trải qua những giai đoạn: ấu thơ, tuổi trẻ, trung niên, lúc về già và số phận khác nhau. Cũng như cảm xúc và số phận, tính cách của con người, CÁC GIAI ĐOẠN CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ CÁC MÀU SẮC. Các giai đoạn đều được gọi tên bằng những tính từ chỉ màu sắc như: *đỏ hồng, xanh tươi, ...* hoặc các đơn vị có tính từ chỉ màu sắc làm định tố: *chân son, tuổi xanh, đầu xanh, xuân xanh, má hồng, bạc đầu, tóc bạc,* Như vậy, những màu sắc như: *đỏ, son, xanh, hồng, bạc...* đều hàm chứa ý nghĩa chỉ các giai đoạn của đời người. Có thể thấy, từ miền nguồn màu sắc với những thuộc tính đặc trưng của nó được ánh xạ sang miền đích chỉ các giai đoạn của đời người. Ví dụ: *Phơ phơ tóc bạc, bạn cùng tóc xanh* [6, tr.117]; *Một hòn máu đỏ nên Người hôm nay* [6, tr.220].

3.2.2. Tính từ chỉ màu sắc chuyển sang biểu thị các tầng lớp người trong xã hội

Trong văn hoá Việt Nam, màu sắc còn mang ý nghĩa đặc trưng cho các tầng lớp xã hội. Tất cả các tầng lớp người với những trang phục đặc trưng đã để lại dấu ấn trong ngôn ngữ dân tộc. Trong thơ ca Việt Nam hiện đại cũng vậy, có hiện tượng tính từ chỉ màu sắc chuyển nghĩa để chỉ các tầng lớp, các hạng người trong xã hội. Bởi hiệu lực của ẩn dụ CON NGƯỜI LÀ VẬT THỂ CÓ MÀU SẮC nên CÁC TẦNG LỚP NGƯỜI TRONG XÃ HỘI LÀ CÁC MÀU SẮC. Các tính từ chỉ màu sắc như: *hồng, trắng, nâu, chàm...* được sử dụng ở miền nguồn chuyển sang miền đích để biểu thị đối tượng học trò, người nông dân, đồng bào miền xuôi, miền núi... Ví dụ: *Chàm nâu thêm đậm, phấn son chẳng nhòa* [6, tr.177]; *Dịu dàng áo trắng trong như suối* [1, tr.5].

3.2.3. Tính từ chỉ màu sắc chuyển sang biểu thị cuộc sống trong cảm nhận của con người

Cuộc sống vốn muôn hình vạn trạng. Cuộc đời con người vốn vô thường. Cảm nhận cuộc đời sướng - vui, buồn - khổ như thế nào đều tùy thuộc vào cái nhìn chủ quan của mỗi người. Trong tư duy ngôn ngữ của người Việt, CUỘC SỐNG LÀ VẬT THỂ CÓ MÀU SẮC nên các tính từ chỉ màu sắc được ánh xạ sang miền đích chỉ cuộc sống của con người. Với cảm nhận về cuộc sống suôn sẻ, vui tươi, mãn nguyện, hài lòng thì người Việt thường dùng các tính từ chỉ màu sáng, rực rỡ như: *hồng, vàng, xanh, trắng, đỏ tươi...* Ngược lại, những tính từ chỉ màu tối: *đen, xám, nâu...* dùng để cảm nhận cuộc sống khó khăn, bế tắc, tuyệt vọng, bi quan... Có thể thấy, các nhà thơ Việt Nam hiện đại dùng các tính từ chỉ màu sắc để biểu thị cuộc sống trong cảm nhận của con người dựa trên ý niệm CUỘC SỐNG NHƯ Ý LÀ NHỮNG MÀU SẮC SÁNG còn CUỘC SỐNG BẤT NHƯ Ý LÀ NHỮNG MÀU SẮC TỐI. Ví dụ: *Thêu đời hồng anh nói ít lời hoa* [1, tr.85]; *Không gian xám tường sắp tan thành lệ* [4, tr.13].

4. KẾT LUẬN

Dưới ánh sáng của Ngôn ngữ học tri nhận, bài viết đã chỉ ra sự phát triển nghĩa hết sức phong phú và đa dạng của tính từ chỉ màu sắc trong thơ Việt Nam hiện đại dựa trên ẩn dụ và hoán dụ ý niệm. Từ nghĩa gốc biểu thị tính chất, đặc trưng về màu sắc của sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan, tính từ chỉ màu sắc chuyển sang biểu thị cảm xúc, số phận, tính cách và các giai đoạn của con người; các tầng lớp người trong xã hội và cuộc sống trong cảm nhận của con người. Sự phát triển nghĩa này không diễn ra một cách tùy tiện, ngẫu hứng mà tuân theo những cách thức và quy tắc chung của mọi ngôn ngữ. Những quy tắc này dần được tích lũy trong năng lực ngôn ngữ của mỗi cá nhân và đến một mức độ nào đó, mỗi cá nhân hoàn toàn có khả năng nhận thức ra sự thay đổi nghĩa của từ và tự bản thân mình có thể chuyển nghĩa cho từ, tạo cho từ những nghĩa mới. Đó là sự lao động bền bỉ và không ngừng của những người nghệ sĩ ngôn từ góp phần làm giàu đẹp thêm tiếng nói dân tộc. Có thể nói, trong hoạt động hành chức, cùng với sự phát triển nghĩa, tính từ chỉ màu sắc trong thơ Việt Nam hiện đại đã vượt ra ngoài các đường biên mà hệ thống ngôn ngữ đã hoạch định phạm vi sử dụng của nó. Với bài viết này, chúng tôi muốn góp thêm một tiếng nói khẳng định hướng nghiên cứu ngữ nghĩa theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận là một hướng nghiên cứu mới, hiệu quả và đầy lí thú.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Huy Cận (2012), *Huy Cận - Thơ và đời*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [2] Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Trần Văn Cơ (2006), *Ngôn ngữ học tri nhận (ghi chép và suy nghĩ)*, Nxb. Khoa học và Xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Duy (2012), *Quê nhà ở phía ngôi sao*, Nxb. Thanh Hoá, Thanh Hóa.
- [5] Đinh Văn Đức (2015), *Ngữ pháp tiếng Việt từ loại I&II*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [6] Tố Hữu (1998), *Thơ Tố Hữu*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [7] Trần Đăng Khoa (2015), *Góc sân và khoảng trời*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [8] Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9] Bùi Minh Toán (chủ biên), Nguyễn Thị Lương (2010), *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [10] Kovecses, Z. (1986), *Metaphors of Anger, Pride and Love; A lexical Approach to the Structure of Concepts*, Amsterdam: John Benjamins
- [11] Lakoff G. & Johnson M. (1999), *Philosophy in the Flesh, The embodied Mind and its Challenge to Western Thought*, New York, Basic Books.

THE SEMANTIC DEVELOPMENT OF COLOR ADJECTIVES IN MODERN VIETNAMESE POETRY

Nguyen Thi Thanh Huong

ABSTRACT

This article studies the semantic development of the color adjectives in modern Vietnamese poetry. The research results show that the color adjectives, when used in their original meaning, denote the nature and characteristics of the color of objects and phenomena in objective reality; when developing semantics, these adjectives express emotions, fate, personality traits, different stages of life, social classes and life in people's perception. This semantic development does not occur arbitrarily and spontaneously but follows the common methods and rules shared by all languages.

Keywords: *Semantics, semantic development, adjectives, color adjectives, modern Vietnamese poetry.*

** Ngày nộp bài: 04/06/2025; Ngày gửi phản biện: 20/06/2025; Ngày duyệt đăng: 20/05/2026*